TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST
Ngày 31-01-2024
"V/v Ly hôn giữa chị D và anh X"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thu Trang và bà Trần Thị Mộng Lành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 232/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Thị D**, sinh năm 2000

Địa chỉ: Khu phố n, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

2. Bị đơn: **Anh Nguyễn Thanh X**, sinh năm 1997

Địa chỉ: Ấp Lô x, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án chị Thị D trình bày như sau:

Chị Thị D (gọi tắt là chị D) và anh Nguyễn Thanh X (gọi tắt là anh X) chung sống với nhau vào năm 2017 hôn nhân tự nguyện được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã Hưng Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang vào ngày 21 tháng 10 năm 2017 theo quy định.

Sau khi về chung sống một thời thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh X nhất nhất đều nghe lời cha mẹ, mọi việc đều do cha mẹ sắp đặt mà không có chính kiến riêng, tiền bạc làm ra được anh X cũng giao cho cha mẹ quản lý và sử dụng. Hơn nữa gia đình bên chồng hà khắc khó khăn với con dâu, chị D luôn phải nhẫn nhịn cha mẹ chồng để lo cho con nhỏ nhưng càng ngày cha mẹ chồng càng khó dễ và chị D cảm thấy không thể tiếp tục sống được ở gia đình chồng. Chị D đã trao đổi, góp ý với chồng nhưng tính tình anh X không thay đổi không tìm được tiếng nói chung. Từ đó chị D đã mang theo con về nhà cha mẹ ruột sống đến nay khoảng hơn một năm và vợ chồng cũng đã ly thân từ đó cho đến nay không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Hiện nay chị D xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau, hôn nhân không có hạnh phúc và không thể hàn gắn nên đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với anh X.

Về con chung: Chị D xác định vợ chồng có một người con chung tên Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 13/9/2018 hiện đang sống với chị D. Khi ly hôn chị D xin được quyền nuôi cháu Nguyễn Thị Huyền T, không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung của vợ chồng: Chị D xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung của vợ chồng: Chị D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa - bị đơn anh Nguyễn Thanh X đều vắng mặt, anh X không có yêu cầu phản tố đồng thời không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu xin ly hôn của chị Thị D.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); căn cước công dân (Bản công chứng); giấy khai sinh của cháu Nguyễn Thị Huyền T. Bị đơn không cung cấp chứng cứ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định, bị đơn anh Nguyễn Thanh X đã được triệu

tập hợp lệ nhưng vắng mặt tai phiên tòa đề nghị áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị D được ly hôn với anh X; về con chung giao cháu Nguyễn Thị Huyền T cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, Chị D không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét; về tài sản chung và nợ chung vợ chồng không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Thanh X đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt anh Nguyễn Thanh X.

[2] Về nội dung vụ án:

Quan hệ pháp luật: Chị D yêu cầu ly hôn với anh X và yêu cầu giải quyết về con chung khi ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

Chị D và anh X chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật, do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị D, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh từ chính quyền địa phương có cơ sở xác định đời sống hôn nhân của chị D và anh X đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị D không hòa hợp được với cuộc sống gia đình bên chồng vì cho rằng cha mẹ chồng khó khăn, hà khắc với con dâu và anh X thì nghe theo sự sắp đặt của cha mẹ mà không có chính kiến riêng để bảo vệ vợ con và vun đắp cho gia đình nhỏ của vợ chồng. Mặc dù đã cố gắng để thích nghi nhưng cuộc sống của D ở gia đình bên

chồng không mang đến hạnh phúc nên chị D đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và ly thân với anh X khoảng hơn 01 năm. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự không có thiện chí hàn gắn hôn nhân. Từ đó có cơ sở để nhận định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị D cho chị được ly hôn với anh X**.**

Về con chung: Chị D và anh X có một người con chung cháu Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 13/9/2018, từ khi anh chị ly thân con chung sống với chị D có cuộc sống sinh hoạt ổn định và hiện tại chị D có việc làm, có thu nhập để đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung, do đó Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Nguyễn Thị Huyền T cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng sau khi vợ chồng ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận ý kiến của chị D không yêu cầu anh Xuân phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung của vợ chồng: Chị D xác định vợ chồng không có tài sản chung, các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung của vợ chồng: Chị D xác định không có, không ai có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị D là nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

[4] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thị D.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Thị D và anh Nguyễn Thanh X.

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 13/9/2018 cho chị Thị D tiếp tục nuôi dưỡng sau khi chị Thị D và anh Nguyễn Thanh X ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận ý kiến của chị Thị D không yêu cầu anh Nguyễn Thanh X phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết anh, chị có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không ai có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Thị D có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008882 ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Thị D đã nộp đủ án phí.

6. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 31/01/2024, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Hưng Yên ;
- Lưu, HS, VP.